

Số: 152 /BC-UBND

Duyên Hải, ngày 14 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
**Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách thị xã quý 1 năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách thị xã Duyên Hải năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý 1 năm 2022, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

* **Tổng thu NSNN quý 1 năm 2022: 159.435** triệu đồng, trong đó:

1/. Thu nội địa: 36.909 triệu đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: **28** triệu đồng, đạt 31,11% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện **23.612** triệu đồng, đạt 56,90% so với dự toán năm 2022, đạt 127,44% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện **4.016** triệu đồng, đạt 40,16% so với dự toán năm 2022, đạt 143,42% so với cùng kỳ năm trước;

- Lệ phí trước bạ: thực hiện **3.359** triệu đồng, đạt 35,88% so với dự toán năm 2022, đạt 101,91% so với cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: thực hiện **2.408** triệu đồng, đạt 68,79% so với dự toán năm 2022, đạt 287,3% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện **03** triệu đồng, đạt 0,75% so với dự toán năm 2022, đạt 50% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: thực hiện **03** triệu đồng đạt 30% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện **3.095** triệu đồng, đạt 28,14% so với dự toán năm 2022, đạt 172,23% so với cùng kỳ năm trước.;

- Thu khác ngân sách: thực hiện **385** triệu đồng, đạt 14,82% so với dự toán năm 2022, đạt 104,46% so với cùng kỳ năm trước;

2/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 65.705 triệu đồng.

3/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 56.821 triệu đồng.

II. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách thị xã quý 1 năm 2022: 71.245 triệu đồng, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện **17.155** triệu đồng, đạt 35,08% so với dự toán năm 2022, đạt 94,56% so với cùng kỳ năm trước;

2. Chi thường xuyên: thực hiện **45.954** triệu đồng, đạt 22,05% so với dự toán năm 2022, đạt 101,19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện **19.205** triệu đồng, đạt 19,97% so với dự toán năm 2022, đạt 100,75% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện **521** triệu đồng, đạt 26,77% so với dự toán năm 2022, đạt 45,21% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thể dục thể thao: thực hiện **145** triệu đồng, đạt 37,47% so với dự toán năm 2022;

- Chi bảo vệ môi trường: thực hiện **26** triệu đồng, đạt 0,48% so với dự toán năm 2022, đạt 15,39% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: thực hiện **2.382** triệu đồng, đạt 7,62% so với dự toán năm 2022, đạt 92,94% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi khoa học công nghệ: thực hiện **438** triệu đồng, đạt 43,80% so với dự toán năm 2022;

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: thực hiện **14.578** triệu đồng, đạt 25,48% so với dự toán năm 2022, đạt 74,93% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện **4.659** triệu đồng, đạt 31,88% so với dự toán năm 2022, đạt 155,19% so với cùng kỳ năm trước;

3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: thực hiện 8.136 triệu đồng.

III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung trong quý 4 năm 2021, tổng thu ngân sách thị xã đạt 52,10%, tổng chi đạt 23,28% so với dự toán năm 2022. UBND thị xã Duyên Hải chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của các ngành, các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao, kịp thời bổ sung các khoản chi cần thiết không có trong dự toán để đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành tốt hoạt động của đơn vị mình.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý 1 năm 2022 (chi tiết theo Biểu số 93,94,95/CK-NSNN kèm theo)./.

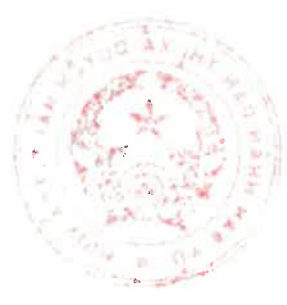
Nơi nhận:

- TT HĐND&UBND;
- Chủ tịch;
- Các Phó Chủ tịch;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Lưu:VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Lánh

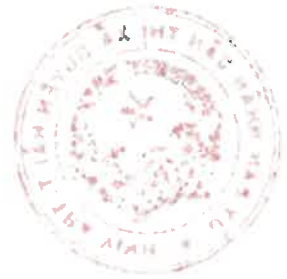


CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 14/04/2022 của UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	306.004	159.435	52,10	103,25
I	Thu cân đối NSNN	81.000	36.909	45,57	130,81
1	Thu nội địa	81.000	36.909	45,57	130,81
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		56.821		88,54
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.004	65.705	29,20	105,94
IV	Thu NS cấp dưới nộp NS cấp trên				
V	Thu kết dư ngân sách				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	306.004	71.245	23,28	112,10
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	306.004	71.245	23,28	112,10
1	Chi đầu tư phát triển	48.900	17.155	35,08	94,56
2	Chi thường xuyên	208.429	45.954	22,05	101,19
3	Dự phòng ngân sách	5.662		-	
4	Chi nộp NS cấp trên	-			
5	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	42.721	8.136	19,05	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-			



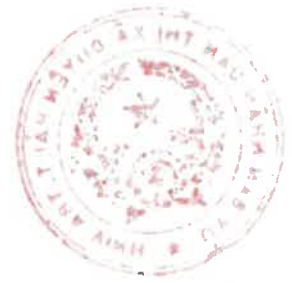


THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 14 / 04/2022 của UBND thị xã Duyn Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	306.004	159.435	52,10	103,25
I	Thu nội địa	81.000	36.909	45,57	130,81
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		28		31,11
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	41.500	23.612	56,90	127,44
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	4.016	40,16	143,42
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9.360	3.359	35,88	101,91
7	Thu phí, lệ phí	3.500	2.408	68,79	287,30
8	Các khoản thu về nhà, đất	11.900	3.101	26,06	135,12
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	3	0,75	50,00
-	Thu tiền sử dụng đất	11.000	3.095	28,14	172,23
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		3		30,00
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	500		-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	2.600	385	14,82	104,46
12	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.140		-	
II	Thu viện trợ				
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		56.821		88,54
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.004	65.705	29,20	105,94
V	Thu NS cấp dưới nộp lên				
VI	Thu kết dư				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	62.039	28.355	45,71	
1	Từ các khoản thu phân chia	28.109	13.262	47,18	
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	33.930	15.093	44,48	





THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 14 / 04/2022 của UBND thị xã Duyn Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	306.004	71.245	23,28	112,10
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	306.004	71.245	23,28	112,10
I	Chi đầu tư phát triển	48.900	17.155	35,08	94,56
1	Chi đầu tư phát triển	48.900	17.155	35,08	94,56
2	Chi đầu tư phát triển khác		-		
II	Chi thường xuyên	208.429	45.954	22,05	101,19
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	96.158	19.205	19,97	100,75
2	Chi khoa học và công nghệ	1.000	438	43,80	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	509		-	
4	Chi văn hóa thông tin	1.946	521	26,77	45,21
5	Chi phát thanh, truyền hình	-			
6	Chi thể dục thể thao	386	145	37,47	1.033,07
7	Chi bảo vệ môi trường	5.346	26	0,48	15,39
8	Chi hoạt động kinh tế	31.262	2.382	7,62	92,94
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	57.208	14.578	25,48	74,93
10	Chi bảo đảm xã hội	14.614	4.659	31,88	155,19
III	Chi an ninh quốc phòng	9.827	2.260	23,00	
1	Chi quốc phòng	6.408	1.629	25,42	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	3.419	631	18,46	
IV	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	9.408	1.741	18,50	
III	Dự phòng ngân sách	5.662		-	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên				
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		8.136	#DIV/0!	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		-		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				

